

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHAI THÁC CÁT LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG (DIỆN
TÍCH 10,0HA) TẠI SÔNG KÔN, XÃ TÂY THUẬN, HUYỆN TÂY SƠN
CỦA CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG THƯƠNG NGUYỄN.

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024
của UBND tỉnh Bình Định).

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường (diện tích 10,0ha).
- Địa điểm thực hiện: tại Sông Kôn, xã Tây Thuận, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Thương Thương Nguyễn.
- Địa chỉ liên hệ: 273 Trần Hưng Đạo, phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.
- Điện thoại: 0914.561789.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Diện tích dự án: 10,0 ha.
- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00); trong đó, thời gian vận chuyển ra vào dự án từ 8h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00.
- Trữ lượng được phép khai thác theo Quyết định số 3657/QĐ-UBND ngày 08/11/2022 của UBND tỉnh Bình Định là 200.000 m³ cát địa chất (hệ số nở rời 1,15); chiều sâu khai thác trung bình 2,0 m.
- Tuổi thọ mỏ: 04 năm. Thời hạn khai thác 02 năm; khai thác từ ngày 01/01 đến hết ngày 15/9 hàng năm (theo Thông báo số 176/TB-UBND ngày 07/8/2019 và Văn bản số 5958/UBND-KT ngày 04/9/2020 của UBND tỉnh).
- Công suất khai thác:
 - + Năm thứ nhất: 46.866 m³ cát địa chất/năm;
 - + Năm thứ hai đến năm thứ tư: 50.000 m³ cát địa chất/năm.

1.3. Trình tự và phương pháp khai thác: Mở vĩa khai thác từ phía Tây Bắc Dự án (tại điểm góc số 1), khai thác theo lớp bằng, chiều sâu khai thác được xác định tính từ mặt địa hình hiện trạng ban đầu xuống độ sâu trung bình 2,0 m. Tuyến khai thác được phát triển theo tuyến song song với hướng dòng chảy của

sông, khai thác theo dải, từ Tây sang Đông, từ thượng lưu về hạ lưu. Sử dụng 03 máy đào (dung tích gầu 1,25m³) để khai thác, tập kết cát tại bãi lưu chứa tạm trước khi đưa lên ô tô vận chuyển đến nơi tiêu thụ (xe vận chuyển và thiết bị khai thác thể hiện đầy đủ thông tin về diện tích mỏ khai thác, số hiệu giấy phép để giám sát và theo dõi).

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư:

- Khu vực phụ trợ diện tích khoảng 3.030 m² (nằm ngoài ranh giới mỏ) bố trí lán trại tạm, nhà vệ sinh di động, khu vực chứa thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại. Chủ dự án phải thực hiện đảm bảo các thủ tục pháp lý về đất đai đối với khu vực phụ trợ.

- Bãi lưu chứa cát tạm (nằm trong khu vực mỏ) diện tích khoảng 1000 m² để lưu chứa cát chờ ráo nước trước khi vận chuyển đi tiêu thụ. Thời gian lưu chứa tối đa 2 ngày và phải được thu dọn, tháo dỡ trước ngày 15/9 hằng năm.

- Tuyến đường vận tải ngoài mỏ:

- + Đoạn 1 (đường đất hiện trạng): Mở rộng, nâng cấp tuyến đường đất hiện trạng với chiều dài khoảng 40m, rộng 4m thành tuyến đường rộng 8m, dài 40m để sử dụng (kết cấu bằng đất đầm chặt);

- + Đoạn 2: từ đường đất hiện trạng đến bờ sông, mở mới tuyến đường đất rộng 8m, dài 125m để sử dụng (kết cấu bằng đất đầm chặt);

- + Đoạn 3 (đoạn bắt qua nhánh sông): chiều dài tuyến đường 37m, rộng 5m; xây dựng đường tràn bằng đá dăm và đoạn giữa lắp 5 làn cống (gồm: 10 cống BTLT D1500, chiều dài 2,5m, kết hợp đá dăm bên trên).

Chủ dự án phải thực hiện đảm bảo các thủ tục pháp lý về đất đai đối với diện tích tuyến đường mở rộng và mở mới. Đối với đoạn đường qua nhánh sông phải xây dựng phù hợp, đảm bảo lưu thông dòng chảy.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Không

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Tuyến đường nội bộ, đường bắt qua nhánh sông và bãi lưu chứa cát tạm có khả năng gây cản trở dòng chảy trong mùa mưa.

- Hoạt động khai thác cát tại dự án gây nguy cơ sạt lở bờ, kè ảnh hưởng đến diện tích hoa màu của người dân trong khu vực.

- Hoạt động vận chuyển cát đi tiêu thụ có nguy cơ gây rơi vãi, bụi và hư hỏng đến tuyến đường.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải: Nước thải sinh hoạt khoảng 0,8 m³/ngày, có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh.
- Khí thải, bụi: phát sinh từ quá trình khai thác và vận chuyển cát đi tiêu thụ.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 6,0 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.
- Chất thải công nghiệp phải kiểm soát: giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã chất thải: 18 02 01) khoảng 10,0 kg/năm.

3.4. Tiếng ồn, độ rung: phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển cát đến nơi tiêu thụ.

3.5. Các tác động khác không liên quan đến chất thải: hoạt động khai thác cát có nguy cơ gây sạt lở 02 bên bờ, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển, mất an toàn giao thông,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Xử lý nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động đặt tại khu vực phụ trợ. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

- Đối với các phương tiện vận chuyển cát: vận chuyển cát khô, đúng tải trọng cho phép trên các tuyến đường; phủ bạt kín trong quá trình vận chuyển không để rơi vãi ra đường.

- Trên tuyến đường vận chuyển cát tại những đoạn đi qua khu dân cư: thực hiện phun nước với tần suất 02 lần/ngày và tăng cường vào mùa nắng.

- Khu vực bãi lưu chứa cát tạm: thực hiện che chắn đảm bảo giảm thiểu bụi, cát bay.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường: Bố trí 01 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực

lấn trại để thu gom và xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại: Trang bị thùng lưu chứa chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn và thực hiện lưu chứa, hợp đồng xử lý theo quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung: Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác: Không có.

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

a) Thực hiện việc cải tạo, phục hồi môi trường hàng năm với các nội dung sau:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
I	Khu vực khai thác				
1.	Cắm biển báo nguy hiểm tại khu vực mỏ	cái	4	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác	Trước khi tiến hành khai thác và giữ lại sau khi kết thúc khai thác đến khi được đóng cửa mỏ.
2.	San gạt lại khu vực khai thác do quá trình khai thác tạo hầm, hố đào.	m ³	11.319,8	Đảm bảo địa hình kết thúc sau khai thác thoải trong bờ ra lòng sông, không tạo hố sâu cục bộ so với mặt bằng xung quanh	Hoàn thành phần diện tích đã khai thác trước ngày 30/9 hàng năm
3.	Tháo dỡ tuyến đường tạm trong mỏ	m ³	3.360	Khởi thông dòng chảy	Hoàn thành trước ngày 30/9 hàng năm
4.	Đo vẽ địa hình hiện trạng khu vực khai thác; vẽ mặt cắt ngang sông	ha	10,0	Giám sát chiều sâu khai thác; đánh giá sạt lở bờ sông	Sau khi kết thúc khai thác hàng năm
II	Ngoài khu vực khai thác				
1.	Gia cố bờ phía Đông Nam bằng cọc tre kết hợp đắp bao tải cát	m	150	Giảm thiểu nguy cơ sạt lở bờ	Trước khi tiến hành khai thác và giữ lại sau khi kết thúc khai thác
2.	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường đất hiện trạng	m ³	96	Đảm bảo kết cấu tuyến đường phục vụ cho hoạt động vận chuyển	Sau khi kết thúc khai thác hàng năm

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
3.	Vệ sinh tuyến đường vận chuyển (đoạn qua khu dân cư)	m ³	125	Giảm thiểu bụi, cát bay	Thường xuyên
4.	Tháo dỡ tuyến đường mở mới từ đường đất hiện trạng đến mép sông	m ³	500	Trả lại hiện trạng ban đầu	Sau kết thúc khai thác
5.	Tháo dỡ lán trại tạm, nhà vệ sinh di động	cái	02	Trả lại hiện trạng ban đầu	Hoàn thành trước ngày 30/9 hàng năm

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường **629.622.000 đồng** (Sáu trăm hai mươi chín triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn đồng).

- Số lần ký quỹ: 02 lần, thực hiện ký quỹ như sau:

+ Lần 1, số tiền: **157.406.000 đồng**; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mở.

+ Lần 2, số tiền: **472.216.000 đồng**; thời điểm ký quỹ: thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn.

- Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2024.

4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: không thực hiện

4.4.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Trước khi khai thác, thực hiện gia cố vị trí bờ có nguy cơ sạt lở phía Đông Nam mở có tổng dài khoảng 150m. Phương pháp gia cố bằng cọc tre kết hợp bao tải cát (02 hàng cọc tre song song cách nhau 0,5m dọc theo bờ với chiều dài cọc tre >2,5m, bên trong được xếp các bao tải cát).

- Sau khi kết thúc khai thác hàng năm, thực hiện tháo dỡ lán trại tạm, nhà vệ sinh di động; tháo dỡ đường nội bộ; đường qua nhánh sông đảm bảo thông thoáng dòng chảy. Tiến hành khảo sát, đo đạc địa hình trong và ngoài phạm vi dự án, đánh giá các vị trí xung yếu 02 bên bờ có nguy cơ sạt lở để thực hiện gia cố kịp thời, giảm nguy cơ sạt lở 02 bên bờ.

- Thực hiện khai thác đúng quy trình, độ sâu cho phép; tạo góc nghiêng

bờ mở tại những vị trí có cao độ kết thúc chênh lệch lớn so với mặt bằng bên ngoài nhằm giảm thiểu sạt lở.

- Trong quá trình khai thác, nếu có xảy ra hiện tượng sạt lở hai bên bờ, ảnh hưởng đến diện tích hoa màu của người dân phải phối hợp với chính quyền địa phương để có biện pháp khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại (nếu có).

4.4.4. Các công trình, biện pháp khác: không có.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom và chuyển giao cho đơn vị xử lý.

5.2. Giám sát dòng chảy:

- Thực hiện giám sát việc khai thác đảm bảo lưu thông dòng chảy;
- Vị trí giám sát: giám sát tại khu vực dự án.

5.3. Các giám sát khác:

- Giám sát sạt lở hai bên bờ, an toàn giao thông trong quá trình khai thác, vận chuyển cát.
- Tần suất quan trắc: thường xuyên, liên tục trong suốt thời gian khai thác.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: không./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 4453/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 24 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường (diện tích 10ha) tại sông Kôn, xã Tây Thuận, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định của Công ty TNHH MTV Thương Thương Nguyễn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 4191/STNMT-CCBVMТ ngày 14/11/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường (diện tích 10,0ha) tại sông Kôn, xã Tây Thuận, huyện Tây Sơn của Công ty TNHH MTV Thương Thương Nguyễn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1502/TTr-STNMT ngày 20/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo ĐTM của dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH MTV Thương Thương Nguyễn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại Sông Kôn, xã Tây Thuận, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Phụ lục đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ TNMT (để b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở TNMT;
- Chủ dự án;
- Quỹ BVMT tỉnh;
- UBND huyện Tây Sơn;
- UBND xã Tây Thuận;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh